

Số: /2019/QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng
thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Luật: Sở hữu trí tuệ năm 2005; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Sở hữu trí tuệ năm 2009; Công nghệ thông tin năm 2006; Lưu trữ năm 2011; An toàn thông tin mạng năm 2015; Tiếp cận thông tin năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên & Môi trường tại Tờ trình số 1793/TTr-STNMT ngày 28/6/2019 và Báo cáo thẩm định số 109/BC-STP ngày 19/6/2019 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Tài nguyên & Môi trường;
 - Bộ Tư pháp (Cục KTrVB);
 - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
 - Như Điều 3;
 - Công báo tỉnh;
 - Website tỉnh, Website VPUBND tỉnh;
 - Lưu: VP1, VP3.
- (Đề báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phùng Hoan

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin
dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2019/QĐ-UBND
ngày.....tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên môi trường biển và hải đảo (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là các thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu được quy định tại Điều 4 Nghị định 73/2017/NĐ-CP.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định (sau đây gọi là Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh) là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh phải phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh; được xây

dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

Điều 5. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Thực hiện theo quy định tại các Điều 5, Điều 21 Nghị định 73/2017/NĐ-CP.

Điều 6. Các hành vi nghiêm cấm

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Luật Lưu trữ năm 2011 và Điều 11 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.

Chương II

THU THẬP, QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG; KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 7. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình sở hữu gửi thông báo tới Sở Tài nguyên và Môi trường danh mục thông tin, dữ liệu cung cấp.

2. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy định. Biên bản giao nộp hoặc Giấy xác nhận giao nộp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

3. Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phải lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định thực hiện việc truyền kết quả quan trắc môi trường tự động, liên tục, trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường, đồng thời có trách nhiệm tự bảo quản, bảo dưỡng, duy trì và vận hành thiết bị để đảm bảo tính chính xác của dữ liệu môi trường được quan trắc và truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật dữ liệu tài nguyên và môi trường

Dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá và xử lý, cập nhật dữ liệu kịp thời khi có biến động; việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

Điều 9. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Dữ liệu thu thập được phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hóa học và chuẩn hóa, số hóa để lưu trữ, bảo quản.

2. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

3. Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 10. Xây dựng, vận hành và cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc xây dựng, vận hành và cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường đảm bảo đầy đủ, chính xác, khoa học, kịp thời, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được thực hiện theo quy định kỹ thuật về cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

3. Thực hiện quản lý, lưu trữ, bảo quản và xây dựng cơ sở dữ liệu bảo đảm sử dụng lâu dài, an toàn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Công bố, cung cấp, khai thác, sử dụng thuận tiện, kịp thời cho mọi đối tượng theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

2. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn thông tin, tổ chức thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn thông tin đối với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

Điều 12. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định được công bố trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và môi trường, các ấn phẩm chuyên môn. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

Điều 13. Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Đối tượng được phép khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng vào mục đích hợp pháp.

2. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu từ hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

a) Truy xuất trực tiếp vào hệ thống cơ sở dữ liệu, thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng trên hạ tầng mạng LAN, WAN, hoặc hệ thống mạng chuyên dùng Dành cho Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh;

b) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua Cổng thông tin điện tử của tỉnh hoặc Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Các tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu đối với cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trình tự, thủ tục khai thác và sử dụng dữ liệu

Cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ.

Điều 15. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

Việc kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử thực hiện theo các quy định tại Điều 23 Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ.

Chương III.

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh:

1. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

2. Tiếp nhận, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa cơ sở dữ liệu tỉnh với các tỉnh, thành phố khác và các bộ, ngành.

3. Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ nghiệp vụ quản lý, lưu trữ, tra cứu, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Cập nhật thông tin, dữ liệu đất đai vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

5. Cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định.

6. Chủ trì cùng các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố Nam Định xây dựng quy trình, quy định về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

7. Xây dựng, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, công bố trên Trang/Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và của Sở Tài nguyên và Môi trường. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, gửi danh mục (cập nhật theo năm) thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường).

8. Báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ quản lý, duy trì, lưu trữ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường hoạt động liên tục, hiệu quả.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phát huy hiệu quả cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ cho các ngành, các lĩnh vực.

3. Hướng dẫn, giám sát việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc thẩm định sự phù hợp của cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn xây dựng dự trù kinh phí; trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kinh phí phục vụ cho công tác quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; hướng dẫn, kiểm tra việc thu, nộp, quản lý, sử dụng kinh phí khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành có thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Các sở, ban, ngành theo chức năng nhiệm vụ của mình phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh thực hiện như sau:

1. Thu thập quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của đơn vị theo nhiệm vụ, kế hoạch hàng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do cơ quan quản lý với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố theo quy định.

3. Xây dựng, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của đơn vị (cập nhật theo năm), trước ngày 30 tháng 11 hàng năm gửi về Sở Tài nguyên và môi trường (Trung tâm Công nghệ thông tin) để tổng hợp.

4. Báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm cho Sở Tài nguyên và Môi trường (Trung tâm Công nghệ thông tin).

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh.
2. Thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, bảo quản, lưu trữ và tu bổ dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn, cung cấp thông tin cho các tổ chức cá nhân theo quy định.
3. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do đơn vị quản lý với các sở, ban, ngành và địa phương khác, cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.
4. Xây dựng, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của trên địa bàn (cập nhật theo năm), trước ngày 30 tháng 11 hàng năm gửi về Sở Tài nguyên và môi trường (Trung tâm Công nghệ thông tin).
5. Báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường (Trung tâm Công nghệ thông tin).

Điều 21. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thực hiện các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 5 Quy chế này.
2. Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu;
3. Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng;
4. Trả phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định.
5. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
6. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.
7. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình.
8. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Điều 22. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

3. Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường (*Mẫu báo tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT*).

Điều 23. Xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Đối với những dữ liệu tài nguyên và môi trường điều tra, xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành. Dữ liệu giao nộp phải có nguồn gốc và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin.

2. Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì tổ chức, cá nhân giao nộp theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Phùng Hoan